

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Độ.

Ông Dư Chân Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nông Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Triệu Văn Đ, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2024, trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Triệu Văn Đ trình bày:

Anh Triệu Văn Đ và chị Vũ Thị L đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng đến năm 2018 thì cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân, do

từ đầu năm 2018, chị Vũ Thị L đi làm công nhân tại Công ty Samsung tỉnh B, khi đi làm công nhân được 3, 4 tháng thì chị Vũ Thị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, đăng ảnh thân mật lên trang mạng xã hội, khi về nhà chị Vũ Thị L thừa nhận có ngoại tình với người đàn ông khác, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ cuối năm 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, từ khi ly thân hai vợ chồng không còn ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn anh Triệu Văn Đ yêu cầu được ly hôn với chị Vũ Thị L.

Về con chung, vợ chồng có 02 người con chung, cháu Triệu Thị Ngọc D sinh ngày 26/7/2012; cháu Triệu Tuấn Đ1 sinh ngày 22/8/2015, hiện nay các con chung đang ở cùng nguyên đơn. Sau ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, nguyên đơn có thu nhập ổn định khoảng từ 10.000.000 - 12.000.000 đồng/tháng. Từ khi ly thân đến nay nguyên đơn một mình nuôi các con chị Vũ Thị L không quan tâm hỗ trợ gì, do đó nguyên đơn có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Vũ Thị L không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ; bị đơn thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của anh Triệu Văn Đ về việc ly hôn với chị Vũ Thị L. Về con chung, giao các con chung cho anh Triệu Văn Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị Vũ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không xem xét giải quyết. Về án phí căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn Đ và chị Vũ Thị L, đăng ký kết hôn ngày 31/01/2012, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Về yêu cầu ly hôn: Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, chị Vũ Thị L khi đi làm công nhân đã có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không hạnh phúc. Từ cuối năm 2018

đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 04/6/2024 của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Triệu Văn Đ và chị Vũ Thị L có 02 người con chung, cháu Triệu Thị Ngọc D sinh ngày 26/7/2012; cháu Triệu Tuấn Đ1 sinh ngày 22/8/2015. Xét thấy, hiện nay các con chung đang ở cùng nguyên đơn, từ khi ly thân nguyên đơn một mình nuôi con chung bị đơn không hỗ trợ gì; quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác, không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án điều đó thể hiện bị đơn là người không có trách nhiệm trong cuộc sống. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn môi trường sống bình thường của các con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng, giáo dục. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung được sống chung với bố.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Xét thấy, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chung, nhưng nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và nguyên đơn có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy, ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự để nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn Đ được ly hôn với chị Vũ Thị L.

2. Về con chung: Anh Triệu Văn Đ và chị Vũ Thị L có 02 người con chung, cháu Triệu Thị Ngọc D sinh ngày 26/7/2012; cháu Triệu Tuấn Đ1 sinh ngày 22/8/2015.

Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Vũ Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Triệu Văn Đ chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Triệu Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận anh Triệu Văn Đ đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004714 ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã Vân Nham;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn